

Phật giáo Việt Nam: Từ nhập thế đến cách mạng

ISSN: 2734-9195 08:05 30/01/2026

Những bài học từ mối quan hệ giữa Phật giáo và cách mạng có ý nghĩa quan trọng để tiếp tục xây dựng và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tác giả: **TS. Đoàn Thu Nguyệt (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Mở đầu

Mối quan hệ giữa tôn giáo và cách mạng trong lịch sử nhân loại luôn mang tính phức tạp và đa chiều. Nếu như ở nhiều bối cảnh, tôn giáo thường được xem là yếu tố bảo thủ, chống lại sự thay đổi xã hội, thì trường hợp Phật giáo Việt Nam lại chứng minh một thực tiễn hoàn toàn khác biệt. Đây là hiện tượng độc đáo trong đó một hệ thống tôn giáo không chỉ không đối kháng với cách mạng mà còn trở thành động lực tinh thần quan trọng, thậm chí là lực lượng tham gia trực tiếp vào các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong “Thư gửi các vị tăng ni và đồng bào tín đồ Phật giáo nhân dịp Lễ Đức Phật Thích Ca thành đạo” đã khẳng định lòng yêu nước của những người tin theo Phật giáo: “Tôi có lời khen ngợi các vị tăng ni và tín đồ đã sẵn lòng nồng nàn yêu nước, hăng hái làm tròn nghĩa vụ của người công dân và xứng đáng là Phật tử” [Hồ Chí Minh, t.10, tr.472], đồng thời đã có nhận định sâu sắc về bản chất của Phật giáo khi khẳng định: “tôn chỉ mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm” [Hồ Chí Minh, t.10, tr.472]. Trong “Thư gửi Hội Phật tử Việt Nam”, Người viết: “Đức Phật là đại từ bi, cứu khổ cứu nạn, muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma” [Hồ Chí Minh, t.5, tr.228]. Những lời này không chỉ thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về bản chất nhân văn của

Phật giáo mà còn chỉ ra sự hội tụ giữa lý tưởng đạo Phật và mục tiêu cách mạng.

Nội dung

Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam - tiền đề cho mối quan hệ giữa Phật giáo và cách mạng

Điểm đặc biệt của Phật giáo Việt Nam nằm ở việc hình thành và phát triển truyền thống «gắn đạo với đời», trong đó phụng sự đạo pháp gắn liền với trách nhiệm bảo vệ đất nước, đem lại bình yên cho nhân dân. Đây không phải là sự biến dạng hay thế tục hóa Phật giáo, mà chính là sự thể hiện sáng tạo của tinh thần Bồ Tát đạo - con đường cứu độ chúng sinh thông qua việc tham gia tích cực vào đời sống xã hội.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Giáo sư Nguyễn Hùng Hậu đã phân tích rằng đặc trưng của Phật giáo Việt Nam là con đường đi đến giác ngộ bằng “dĩ chúng tâm vi kỷ tâm” - lấy tâm của quần chúng làm tâm của mình. Tư tưởng này được Quốc sư Trúc Lâm diễn đạt một cách rõ ràng hơn khi khuyên Trần Thái Tông: “dĩ thiên hạ chi tâm vi tâm” (lấy muôn của thiên hạ làm muôn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình) [Nguyễn Hùng Hậu, 2024].

Phật giáo Việt Nam có một quan niệm độc đáo về “Thiện”, cho rằng “cái đẹp để cao cả, cái quý hiếm không phải nằm ở đâu xa, không phải trú ngụ trong vương quốc mây mù trừu tượng, mà nằm ngay trong thế giới ô trọc bụi bặm này”[Nguyễn Hùng Hậu, 2024]. Quan niệm này tạo cơ sở lý luận vững chắc cho tinh thần nhập thế tích cực.

Đặc biệt, người Phật tử Việt Nam «luôn nhìn ra và làm theo những cái thiện lớn, khi đứng giữa ngã ba đường cần phải lựa chọn, dù có phải vi phạm giới luật»[Nguyễn Hùng Hậu, 2024]. Đây chính là tinh thần «tùy nghi, quyền biến» - sẵn sàng điều chỉnh phương pháp tu hành để phục vụ mục tiêu cao cả hơn là cứu dân độ thế. Triết lý này đã trở thành cơ sở tư tưởng cho việc các nhà sư «cởi cà sa, khoác chiến bào» để tham gia cách mạng.

Phật giáo trong các cuộc kháng chiến

Sự ra đời của “Phật giáo cách mạng” trong Kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

Thời kỳ kháng chiến chống Pháp đánh dấu sự chuyển mình mạnh mẽ của Phật giáo Việt Nam từ một tôn giáo truyền thống sang một lực lượng cách mạng có tổ chức. Việc thành lập “Hội Tăng già Cứu quốc, Hội Phật giáo Cứu quốc các cấp để quy tụ, vận động Tăng ni, Phật tử tham gia cách mạng, ủng hộ kháng chiến” [Nguyễn Đại Đồng, 2014] không chỉ thể hiện tinh thần yêu nước mà còn chứng minh khả năng tự tổ chức và hành động chính trị của Phật giáo.

Tại Bắc Bộ, dưới sự lãnh đạo của các cao tăng như Phạm Thế Long, Thích Tâm An, Thích Thanh Chân, Hội Phật giáo Cứu quốc đã tiến hành nhiều hoạt động cụ thể như gửi thư động viên tinh thần chiến đấu, quyên tiền ủng hộ đoàn quân Nam tiến [Nguyễn Đại Đồng, 2014]. Điều đáng chú ý là những hoạt động này không mang tính tự phát mà được tổ chức một cách có hệ thống và định hướng rõ ràng.

Sự kiện lịch sử ngày 27/2/1947 tại chùa Cổ Lễ, Nam Định, khi Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh cùng chính quyền địa phương làm lễ phát nguyện cho 27 nhà sư thành 27 vệ quốc quân, trong đó 12 vị như Thích Thanh Tịnh, Thích Chân Tâm, Thích Đức Hiền đã “lẫm liệt hy sinh” [Nguyễn Đại Đồng, 2014], chính là biểu tượng sống động cho sự kết hợp giữa tín ngưỡng và lý tưởng cách mạng.

Một hiện tượng đặc biệt trong kháng chiến là việc nhiều ngôi chùa trở thành cơ sở cách mạng. Các chùa Quảng Bá, Linh Quang, Sùng Giáo ở Hà Nội; chùa Hoa Sơn ở Ninh Bình là nơi đặt sở chỉ huy hai chiến dịch Quang Trung và Tây Nam

Ninh Bình. Đặc biệt, chùa Diêu ở tỉnh Hưng Yên đã đào hầm bí mật lớn, năm 1953 bộ đội từ chùa này xuất kích bắn cháy hai xe vận tải quân sự, bắt sống quan hai Pháp [Nguyễn Đại Đồng, 2014].

Điều này cho thấy sự thay đổi căn bản về chức năng xã hội của các ngôi chùa. Từ những nơi chỉ thực hiện chức năng tôn giáo thuần túy, chùa đã trở thành không gian kết hợp hài hòa giữa tâm linh và chính trị, giữa tu hành và đấu tranh. Đây là sự thể hiện cụ thể của triết lý «gắn đạo với đời» trong bối cảnh lịch sử đặc biệt.

Phật giáo và cuộc đấu tranh dân chủ trong Kháng chiến chống Mỹ

Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ chứng kiến sự phát triển mới của phong trào Phật giáo cách mạng, đặc biệt là cuộc đấu tranh chống chế độ Ngô Đình Diệm từ 1963-1966.

Như đồng chí Trần Bạch Đằng đã đánh giá: “cái tinh túy của đạo Phật được phát huy... Đó là hình ảnh Thích Quảng Đức tự thiêu, một kỳ công không dễ gì có được, là hun đúc của lịch sử, là tinh hoa của Phật giáo» [Hà Văn Tấn, 1991].

Hành động tự thiêu của Thích Quảng Đức không chỉ là một hành vi phản kháng mà còn là biểu hiện của triết học Phật giáo về sự hy sinh cao cả. Đây là sự vận dụng sáng tạo tinh thần “bất bạo động” của Phật giáo trong đấu tranh chính trị, tạo ra một hình thức kháng nghị mới, có sức lay động mạnh mẽ.

Câu chuyện của Võ Đình Tọa - sau này là Tỳ kheo Thích Minh Thông - năm 1966 đã dũng cảm tiết lộ “Mật lệnh số hiệu 153” về kế hoạch đàn áp Phật giáo, “kịp thời cứu được hàng nghìn phật tử, sinh viên, học sinh, quân nhân phật tử ở hai tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Trị thoát khỏi sự đàn áp” [Thông Đạt 2017], cho thấy sự kết hợp giữa lòng từ bi và trí tuệ chính trị trong hành động cách mạng.

Một số đặc điểm của Phật giáo với cách mạng Việt Nam



Hình minh họa tạo bởi AI

Một là, từ địa phương hóa đến dân tộc hóa Phật giáo. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến có “tính chất dân tộc” rõ nét [Nguyễn Đại Đồng, 2014]. Điều này không chỉ thể hiện ở việc thành lập các tổ chức như Hội Phật giáo Cứu quốc, Hội Tăng già Cứu quốc mà còn ở việc Phật giáo đã hoàn toàn hòa nhập với khát vọng độc lập dân tộc. Quá trình này cho thấy sự chuyển đổi từ “địa phương hóa” Phật giáo sang “dân tộc hóa” Phật giáo. Nếu như địa phương hóa chỉ đơn thuần là việc Phật giáo thích nghi với văn hóa bản địa, thì dân tộc hóa là quá trình Phật giáo trở thành một phần hữu cơ của ý thức dân tộc và lý tưởng giải phóng.

Hai là, Phật giáo và đấu tranh cho quyền tự do tôn giáo. Sự ra đời của Tổng hội Phật giáo Việt Nam (1951), Giáo hội Tăng già Toàn quốc (1952) “thể hiện lập trường dân chủ của Tăng ni, Phật tử trong việc đấu tranh cho quyền lợi tự do tôn giáo của mình” [Nguyễn Đại Đồng, 2014]. Điều này cho thấy Phật giáo Việt Nam không chỉ đơn thuần ủng hộ cách mạng mà còn tích cực tham gia vào quá trình dân chủ hóa xã hội. Việc nhiều cao tăng đảm nhiệm cương vị trong hệ thống chính trị cùng chính quyền kháng chiến³ chứng minh rằng Phật giáo đã vượt qua vai trò truyền thống của mình để trở thành một chủ thể chính trị tích cực, có khả năng tham gia vào quản lý xã hội và xây dựng chính quyền dân chủ.

Ba là, mô hình “Vừa kháng chiến, vừa hoằng pháp”. Đặc điểm nổi bật của Phật giáo Việt Nam là khả năng “vừa kháng chiến, vừa hoằng pháp” [Nguyễn Đại Đồng, 2014, tr.83]. Các ngôi chùa vừa là cơ sở cách mạng, vừa là nơi truyền bá

giáo lý. Nhiều trường Phật học được mở trong thời kỳ kháng chiến như Trường Phật học Cao Phong ở Phúc Yên, các trường Trung học Tư thực Bồ Đề ở Huế. Mô hình này thể hiện một quan niệm sâu sắc về mối quan hệ giữa tâm linh và hiện thực, giữa tu hành cá nhân và trách nhiệm xã hội. Nó chứng minh rằng đối với Phật giáo Việt Nam, việc tham gia cách mạng không phải là sự từ bỏ con đường tu hành mà chính là một hình thức tu hành đặc biệt - tu hành thông qua việc phụng sự dân tộc và Tổ quốc.

Ý nghĩa của mối quan hệ giữa Phật giáo và cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Một là, triết lý “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Sau thống nhất đất nước, Phật giáo Việt Nam đã phát triển triết lý “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, thể hiện sự kế thừa và phát triển truyền thống nhập thế trong điều kiện mới. “Với tư cách là thành viên trong khối đại đoàn kết toàn dân, GHPGVN cùng Tăng Ni, Phật tử luôn luôn gắn bó với dân tộc trong mọi hoạt động xã hội” [Thích Thông Đạo, 2022]. Triết lý này không chỉ thể hiện sự thích ứng mà còn là sự sáng tạo lý thuyết, trong đó Phật giáo tìm thấy sự hài hòa giữa lý tưởng tôn giáo và mục tiêu xây dựng xã hội công bằng, văn minh. Điều này chứng minh khả năng đổi mới và phát triển của Phật giáo Việt Nam trong mọi hoàn cảnh lịch sử.



Hình minh họa tạo bởi AI

Hai là, mô hình mới về mối quan hệ tôn giáo - cách mạng. Kinh nghiệm Việt Nam đã chứng minh rằng “Phật giáo có khả năng đi với cách mạng và ngược lại, cách mạng có khả năng đi cùng Phật giáo” [Hà Văn Tấn, 1991]. Như giáo sư Hà

Văn Tấn phân tích, nếu cả hai “đều có một cái đích là xây dựng một thế giới hạnh phúc, thì việc có thể cùng nhau đi tới các đích đó là điều hiển nhiên” [Hà Văn Tấn, 1991]. Điều này mở ra một mô hình mới trong nghiên cứu về mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị, trong đó tôn giáo không nhất thiết phải đối kháng với cách mạng mà có thể trở thành đồng minh và động lực tinh thần cho sự thay đổi xã hội tiến bộ. Ngoài ra, Phật giáo Việt Nam đã chứng minh khả năng kết hợp hài hòa giữa giữ gìn bản sắc truyền thống và đổi mới sáng tạo trong hoàn cảnh lịch sử mới. Việc các nhà sư sẵn sàng “cởi cà sa, khoác chiến bào” để bảo vệ Tổ quốc thể hiện quan niệm cứu một người còn hơn cả xây chín bậc phù đồ, là biểu hiện của tinh thần từ bi, nhân ái được vận dụng vào thực tiễn cách mạng.

Ba là, Phật giáo và việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Sự tham gia của Phật giáo đã góp phần quan trọng vào việc “xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân” trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều này không chỉ thể hiện tính chính đúng của chính sách tôn giáo mà còn chứng minh khả năng hội nhập và đóng góp tích cực của tôn giáo vào sự phát triển chung của xã hội.

Bốn là, Phật giáo và các hoạt động xã hội. Trong giai đoạn xây dựng đất nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội nói chung, từ y tế đến giáo dục, môi trường, cho đến các hoạt động cứu trợ và từ thiện xã hội nói riêng. Những hoạt động này không chỉ có ý nghĩa từ thiện mà còn thể hiện sự vận dụng tinh thần từ bi của Phật giáo vào việc xây dựng xã hội tương thân tương ái, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Kết luận

Phật giáo Việt Nam trong cách mạng đã vượt ra khỏi phạm vi một tôn giáo truyền thống để trở thành một triết lý chính trị có sức ảnh hưởng sâu rộng.

Từ triết lý “gần đạo với đời” đến thực tiễn “phụng đạo, yêu nước, hộ quốc, an dân”, Phật giáo đã chứng minh khả năng đóng góp tích cực vào quá trình biến đổi xã hội. Đặc điểm nổi bật của quá trình này là tính dân tộc, dân chủ, nhân văn, với phương châm “vừa kháng chiến, vừa hoằng pháp”. Điều này không chỉ thể hiện bản sắc độc đáo của Phật giáo Việt Nam mà còn tạo ra một mô hình tham chiếu quý báu cho việc xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa tôn giáo và chính trị, giữa đức tin tôn giáo và lý tưởng cách mạng.

Trong bối cảnh hiện tại, khi đất nước đang trên con đường hội nhập và phát triển, những bài học từ mối quan hệ giữa Phật giáo và cách mạng có ý nghĩa quan trọng để tiếp tục xây dựng và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc,

góp phần thực hiện thành công sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tác giả: **TS Đoàn Thu Nguyệt**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Khoa Triết học, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN.

Tài liệu tham khảo:

1] Thích Đồng Bổn chủ biên (2020), “Nhân vật Phật giáo Việt Nam (Phật giáo nhân vật chí) 1800 - 2017”, Nhà xuất bản Ananda Viet Foundation

2] Thích Thông Đạo (2022), “Những đóng góp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đối với đời sống xã hội”, Văn kiện Đại hội đại biểu Phật giáo Việt Nam toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022-2027.

3] Thông Đạt (2017), Từ người lính dũng cảm ‘đến’ tu sĩ Phật giáo, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số tháng 7/2017.

4] Nguyễn Đại Đồng (2014), Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp, Nghiên cứu Tôn giáo, Số 9 – 2014, tr. 77-91.

5] Nguyễn Hùng Hậu (2024), Một số đóng góp của Phật giáo Việt Nam trong việc ‘phụng đạo, yêu nước, hộ quốc, an dân’, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số tháng 3/2024.

6] Vũ Trọng Hùng (2022), Hồ Chí Minh với Phật giáo, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 7.

7] Lê Trung Kiên (2021), Vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về đoàn kết Phật giáo nhằm củng cố khối đại đoàn kết tôn giáo hiện nay, Tạp chí Sinh hoạt lý luận. Số 6 (179).

8] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

9] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

10] Hà Văn Tấn (1991), Phật giáo với cách mạng, Nội san Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội, số 1.

11] Thích Thanh Từ (2010), “Phật giáo trong mạch sống dân tộc”, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp.HCM.